

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 04/2020/HNGĐ-GĐT

Ngày: 17-4-2020

V/v tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

***- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng
gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Liêm.

Các Thẩm phán thành viên Hội đồng giám đốc thẩm: Ông Trương Minh Tuấn và ông Phạm Việt Cường.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Nhật – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa: Ông Trần Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình về việc “*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn*” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chi Nguyễn Thị Thùy N, sinh năm 1987.

Cư trú tại: Thôn 1, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh Nguyễn Cơ S, sinh năm 1982.

Cư trú tại: Thôn 1, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Thùy N trình bày: Chị và anh Nguyễn Cơ S là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 61/2018/QĐST-DS ngày 03/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Khi giải quyết ly hôn, các bên chưa yêu cầu chia tài sản chung. Sau khi ly hôn, do không thỏa thuận được việc chia tài sản nên ngày 10/11/2018 Chị khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là 02 thửa đất và các tài sản gắn liền với đất, gồm:

- Thửa đất số 1: Thửa đất số 301, thuộc tờ bản đồ số 03 có diện tích 350m² (chiều ngang 7m x chiều dài 50m, tọa lạc tại thôn 1, xã D, huyện K, tỉnh

Đắk Lắk), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC958746 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 12/02/2007 đứng tên hộ ông Nguyễn Cơ S và bà Nguyễn Thị Thùy N. Trên đất có một ngôi nhà cấp 4 diện tích 72m² (6m x 12m), xây dựng năm 2008. Đất có tứ cận:

- + Phía Đông và phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Đức T;
- + Phía Nam giáp đất ông Nguyễn Văn T;
- + Phía Tây giáp tỉnh lộ 9.

- Thửa đất số 2: Thửa đất số 459 thuộc tờ bản đồ số 03 có diện tích 210m² (chiều ngang 6m x chiều dài 35m, tọa lạc tại thôn 1, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY665951 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 28/01/2016 đứng tên hộ ông Nguyễn Cơ S và bà Nguyễn Thị Thùy N. Trên đất có một ngôi nhà cấp 4 diện tích 60m² (5m x 12m) xây dựng năm 2016. Đất có tứ cận:

- + Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Thành L;
- + Phía Tây giáp đường tỉnh lộ 9.
- + Phía Nam giáp đất ông N;
- + Phía Bắc giáp đất ông Lâm Ngọc L.

Chị N có nguyện vọng được chia tài sản là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với thửa đất số 2 (tức thửa số 459) vì trước đây khi vợ chồng còn chung sống với nhau thì căn nhà này được dùng làm quán để chị làm nghề cắt tóc, còn đối với thửa đất 301 và các tài sản gắn liền trên đất chị để anh Nguyễn Cơ S trực tiếp quản lý, sử dụng vì đây là căn nhà để gia đình sinh sống và làm nơi thờ tự.

Bị đơn anh Nguyễn Cơ S trình bày: Anh thống nhất về quan hệ hôn nhân và quá trình tạo lập tài sản chung như ý kiến của chị N nhưng Anh không đồng ý chia tài sản chung vì khi ly hôn cả hai đã thống nhất để các tài sản này cho hai con. Khi Anh vắng nhà, chị N đã tự ý lấy tài sản trong nhà chuyển đi mà không có sự đồng ý của Anh nhưng Anh vẫn chấp nhận cho chị N các tài sản đó, nếu chị N muốn ở một trong hai căn nhà thì Anh đồng ý nhưng chị N không được chuyển nhượng cho người khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do không thể tổng đạt trực tiếp văn bản tố tụng cho anh S nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai và xét xử vắng mặt anh Nguyễn Cơ S.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 04/2019/HNGĐ-ST ngày 13/5/2019, Tòa án nhân dân huyện huyện K, tỉnh Đắk Lắk chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy N. Tuyên xử:

Giao cho chị Nguyễn Thị Thùy N được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng các tài sản sau:

Thửa đất số 2: Thửa đất số 459, tờ bản đồ số 03; diện tích 210m², trong đó: đất ở 60m², đất màu: 150m². Đã được Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 665951 ngày 28/01/2016. Địa chỉ thửa đất: Thôn 1, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Vị trí thửa đất:

- + Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Thành L, có cạnh dài: 6m.
- + Phía Tây giáp đường tỉnh lộ 9, có cạnh dài: 6m.
- + Phía Nam giáp đất ông N, có cạnh dài: 35m.
- + Phía Bắc giáp đất ông Lâm Ngọc L, có cạnh dài: 6m.

Tổng giá trị đất và các tài sản trên đất tính theo giá thị trường tại thời điểm định giá là 273.002.490 đồng (*Hai trăm bảy mươi ba triệu không trăm linh hai nghìn bốn trăm chín mươi đồng*).

Giao cho anh Nguyễn Cơ S được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng các tài sản sau:

Thửa đất số 1: Thửa đất số 301, tờ bản đồ số 03; diện tích 350m², trong đó: đất ở 80m², đất màu: 270m². Đã được Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 958746, ngày 12/02/2007. Địa chỉ thửa đất: Thôn 1, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Vị trí thửa đất:

- + Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Đức T, có cạnh dài: 7m.
- + Phía Tây giáp đường tỉnh lộ 9, có cạnh dài: 7m.
- + Phía Nam giáp đất ông Nguyễn Văn T, có cạnh dài: 50m.
- + Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Đức T, có cạnh dài: 50m.

Tổng giá trị tài sản nhà, đất và các tài sản gắn liền trên đất tính theo giá thị trường tại thời điểm định giá là 492.648.551 đồng (*Bốn trăm chín mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm năm mươi một đồng*).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/7/2019, anh Nguyễn Cơ S có Đơn khiếu nại giám đốc thẩm đề nghị hủy Bản án sơ thẩm với lý do Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc tổng đạt các văn bản tố tụng khiến anh không thể thực hiện quyền kháng cáo Bản án theo trình tự phúc thẩm.

Ngày 29/11/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ban hành Quyết định kháng nghị số 106/QĐKNGĐT-VKS-DS đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án sơ thẩm số 04/2019/HNGĐ-ST ngày 13/5/2019 của Tòa án nhân

dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk để xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm nêu trên của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về xác định diện tích căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 301, tờ bản đồ số 03, diện tích 350m² có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC95874 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 12/02/2007 đứng tên hộ ông Nguyễn Cơ S và bà Nguyễn Thị Thủy N, thấy rằng:

[1.1] Theo Đơn khởi kiện ngày 10/11/2018 (bút lục số 01) và lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thủy N trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung trình bày của bị đơn anh Nguyễn Cơ S trong các văn bản “Đơn xin xác nhận” ngày 13/11/2019, “Thông tin kháng nghị” ngày 27/11/2019 thì hai bên đương sự cùng khai nhận diện tích căn nhà cấp 4 cùng công trình phụ trên thửa đất số 301 có diện tích là 72m².

[1.2] Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản ngày 14/02/2019 (bút lục từ số 35-39) của Tòa án nhân dân huyện K đều xác định căn nhà cấp 4 có diện tích là 400m².

[1.3] Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ về diện tích căn nhà cấp 4 trên thửa đất nêu trên do Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành là không đúng, không phù hợp với diện tích thực tế bởi toàn bộ thửa đất chỉ có diện tích là 350m². Cũng tại Văn bản ngày 25/02/2020, Tòa án nhân dân huyện K đã khẳng định lại do có sự nhầm lẫn khi xem xét, thẩm định tại chỗ nên xác định sai diện tích căn nhà cấp 4 từ 72m² thành 400m².

[2] Do xác định căn nhà cấp 4 có diện tích 400m² dẫn đến xác định sai trị giá thực tế của căn nhà, cụ thể theo kết quả định giá tài sản thì căn nhà cấp 4 diện tích 400m² có giá trị còn lại là 289.833.000 đồng (trong khi nếu sử dụng công thức tính do Hội đồng định giá tài sản tính toán thì giá trị căn nhà diện tích 72m² chỉ có giá 52.170.112 đồng). Mặc dù phần nhận định của Bản án sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện K xác định diện tích căn nhà cấp 4 là 72m² nhưng phần quyết định của Bản án lại căn cứ kết quả định giá tài sản nhà có diện tích 400m² để chia cho anh Nguyễn Cơ S được hưởng tài sản là nhà, đất và tài sản gắn liền với đất, tổng giá trị 492.648.551 đồng là cao hơn so với giá trị thực tế của tài sản, từ đó buộc anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với tài sản được chia như trên là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn Cơ S.

[3] Bản án sơ thẩm số 04/2019/HNGĐ-ST ngày 13/5/2019 có nội dung không đầy đủ, cụ thể: Phần trình bày của các đương sự và phần nhận định của

Bản án chỉ nói đến nhà, đất thửa số 1 và thửa số 2 mà không đề cập gì đến tài sản trên đất gồm những tài sản cụ thể nào, nhưng phần quyết định của Bản án lại có nội dung giao cho chị N được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng thửa đất và tài sản trên đất (không có giao nhà), giao cho anh S nhà, đất và tài sản gắn liền trên đất, cách tuyên này không cụ thể, rõ ràng nên không thể thi hành án được.

[4] Việc thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, quá trình giải quyết vụ án do anh S thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án không thể thực hiện tổng đạt trực tiếp nên đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai để giải quyết vắng mặt Bị đơn là đúng; tuy nhiên, trường hợp Tòa án không thể tổng đạt trực tiếp cho đương sự thì phải lập Biên bản về việc không thực hiện được việc cấp, tổng đạt có xác nhận của đại diện tổ dân phố hoặc Công an xã, phường, thị trấn theo đúng quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Trong vụ án này, mặc dù Công an xã D có xác nhận nội dung anh S thường xuyên vắng mặt tại địa phương nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không lập Biên bản theo quy định ở trên là không đúng, cần phải rút kinh nghiệm.

[5] Theo Công văn số 439/CCTHADS ngày 25/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K thì chị N đã nộp 13.650.000 đồng, anh S đã nộp 23.706.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nên khi giải quyết lại cần xem xét trong cùng vụ án.

[6] Từ những chứng cứ đã được phân tích trên, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm thấy cần chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 106/QĐKNĐT-VKS-DS ngày 29/11/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng hủy Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 04/2019/HNGĐ-ST ngày 13/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện K và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện K giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 3 Điều 343 và khoản 2 Điều 345 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

1. Hủy Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 04/2019/HNGĐ-ST ngày 13/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk, về vụ án “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn” giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thùy N với bị đơn là anh Nguyễn Cơ S.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Quyết định của Hội đồng giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:

- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND h.K, tỉnh Đắk Lắk
(kèm hs vụ án);
- Chi cục THADS h.K, tỉnh Đắk Lắk;
- Người tham gia tố tụng (theo đ/c);
- Lưu: Phòng GDKT I; Phòng HCTP, LTHS.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thanh Liêm